

# CẤU TRÚC LẬP LUẬN PHỦ ĐỊNH KÉP TRONG TIỂU THUYẾT “MONG MANH HOA TUYẾT” CỦA TANIZAKI JUN'ICHIROU

TS. Nguyễn Thị Thu Hằng  
Trường Đại học Sài Gòn  
Nguyễn Thụy Nguyệt Quế  
HVCH Trường Đại học Sài Gòn  
Email: ntthang@sgu.edu.vn.

**Tóm tắt:** Phủ định kép được xem là một chiến lược lập luận tinh vi có tác dụng điều phối sắc thái biểu đạt và hành vi phát ngôn. Trong tác phẩm “Mong manh hoa tuyết” (1946), nhà văn Tanizaki Jun'ichirou đã sử dụng phủ định kép như một phương thức bộc lộ sự mâu thuẫn, do dự và các trạng thái tâm lý đa tầng bậc. Bài viết này tập trung phân tích các dạng thức phủ định kép trong bản gốc tiếng Nhật của tiểu thuyết “Mong manh hoa tuyết” nhằm làm rõ chức năng lập luận và đặc điểm ngữ dụng của hiện tượng này trong văn bản văn học. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng đóng góp vào việc mở rộng hướng tiếp cận diễn ngôn và làm phong phú thêm mảng nghiên cứu ngôn ngữ học đối chiếu Nhật - Việt.

**Từ khóa:** Phủ định kép, các dạng thức phủ định kép, Mong manh hoa tuyết, lập luận  
Nhận bài: 07/3/2026; Biên tập: 08/3/2026; Phản biện: 09/3/2026; Duyệt đăng: 12/3/2026.

## 1. Giới thiệu

Phủ định kép (double negation) là một chiến lược lập luận tinh vi, mang theo những giá trị ngữ dụng và lập luận phức tạp. Mặc dù hiện tượng phủ định kép đã được ghi nhận từ lâu trong các nghiên cứu về ngôn ngữ; song phạm vi khảo sát và cách tiếp cận hiện tượng này vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là từ góc nhìn ngữ dụng học và phân tích diễn ngôn. Trong tiếng Nhật, các dạng thức như 「～ないこともない」「～なくはない」... là những cấu trúc phủ định kép rất phổ biến, nhưng không mang nghĩa phủ định đơn thuần mà thường được sử dụng như một công cụ biểu đạt lập luận ngầm hay đánh giá gián tiếp.

Tiểu thuyết Mong manh hoa tuyết (Sasameyuki) của Tanizaki Jun'ichirou là một tác phẩm tiêu biểu của văn học Nhật Bản hiện đại, nổi bật với phong cách tự sự tinh tế và cách khắc họa tâm lý nhân vật thông qua những lớp nghĩa gián tiếp. Trong tác phẩm đồ sộ này, cấu trúc lập luận phủ định kép được sử dụng rất nhiều lần như một công cụ tu từ để thể hiện thái độ mâu thuẫn, do dự, nhấn mạnh hoặc gián tiếp bộc lộ nội tâm của nhân vật.

Chính vì vậy, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu các cấu trúc lập luận phủ định kép trong tiểu thuyết “Mong manh hoa tuyết”, bản gốc tiếng Nhật của Tanizaki Jun'ichirou. Đề tài không chỉ hướng đến việc làm rõ cấu trúc và chức năng lập luận của phủ định kép trong tiếng Nhật và tiếng Việt, mà còn góp phần mở rộng hướng nghiên cứu lập luận theo chiều sâu ngữ dụng - diễn ngôn, đặc biệt là trong mảng văn học chuyển ngữ Nhật - Việt.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái quát về Phủ định kép

Phủ định kép là sự kết hợp của hai yếu tố phủ

định trong cùng một cấu trúc phát ngôn. Trong logic học, hiện tượng này được khái quát bằng nguyên lý Duplex Negatio Affirmat, theo đó “phủ định của phủ định” cho phép xác lập lại nội dung bị phủ định. Đây là một hiện tượng phổ quát, được ghi nhận trong nhiều ngôn ngữ trên thế giới, kể cả tiếng Việt và tiếng Nhật.

Nguyễn Đức Dân định nghĩa phủ định kép như sau: “nếu ta phủ định một phán đoán P, sau đó lại tiếp tục phủ định phán đoán vừa thu được, thì chúng ta đã thực hiện sự phủ định kép phán đoán P (ký hiệu là  $\sim\sim P$ )”. Cách định nghĩa này nhấn mạnh thao tác phủ định tuần tự trên cùng một phán đoán, coi đó là đặc trưng hình thức cơ bản của phủ định kép.

Tuy nhiên, khi khảo sát phủ định kép trong ngôn ngữ tự nhiên, Horn cho rằng sự kết hợp của hai yếu tố phủ định ( $\sim\sim P$ ) không đơn thuần tạo ra một mệnh đề khẳng định tương đương với P theo nghĩa logic hình thức. Thay vào đó, phủ định kép thường dẫn đến một kết luận mang tính khẳng định suy ra, được hình thành thông qua việc phủ định mệnh đề phủ định ban đầu.

Trong các phân tích của mình, Horn đồng thời đặt phủ định kép trong mối quan hệ đối chiếu với hiện tượng đồng phủ định (negative concord). Ở đồng phủ định, sự xuất hiện của nhiều yếu tố phủ định không dẫn đến việc gia tăng số lượng phép phủ định ở tầng nghĩa; các yếu tố phủ định này cùng phối hợp để biểu đạt một nội dung phủ định duy nhất.

Tiếp cận phủ định kép từ góc độ ngữ dụng học, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng việc kết hợp hai yếu tố phủ định không chỉ tạo ra một hiệu ứng khẳng định suy ra, mà còn mang theo những giá trị ngữ dụng như đánh giá, dè dặt, điều chỉnh mức độ cam kết của người nói. Phân tích phủ định kép trong tiếng Việt như một hiện tượng nằm ở giao điểm của

logic, ngữ nghĩa và ngữ dụng, Nguyễn Thùy Nương cho rằng cần xem xét các cấu trúc này trong mối liên hệ với mục đích phát ngôn và chiến lược lập luận của người nói. Theo đó, phủ định kép thường tạo ra một khẳng định gián tiếp, mang tính suy luận, hơn là một khẳng định hiển ngôn.

Điều này thể hiện rõ trong các diễn ngôn bình luận và văn bản nghệ thuật, nơi phủ định kép được sử dụng như một phương tiện tạo sắc thái đánh giá.

Trong tiếng Nhật, hiện tượng phủ định kép (二重否定 - nijuu hitei) cũng thể hiện rõ chức năng lập luận, đặc biệt ở bình diện ngữ dụng. Các cấu trúc như ~なくはない, ~ないことはない, ~ないでもない... về mặt logic có thể được quy về các mệnh đề khẳng định tương ứng. Tuy nhiên, cũng giống như trong tiếng Việt, người nói tiếng Nhật hiếm khi sử dụng các cấu trúc này để khẳng định trực tiếp nội dung mệnh đề. Thay vào đó, phủ định kép được dùng để tạo ra một khẳng định gián tiếp, mang tính dè dặt, có điều kiện hoặc mang sắc thái nhượng bộ trong giao tiếp.

Trong nghiên cứu công bố năm 1982, Haraguchi chỉ ra rằng các cấu trúc phủ định kép trong tiếng Nhật tạo ra một dạng “khẳng định yếu”, trong đó bản thân hình thức phủ định kép đã hàm chứa sự dè dặt trong đánh giá.

Từ góc độ phân tích diễn ngôn, Oohori cho rằng phủ định kép trong tiếng Nhật thường được sử dụng như một phương tiện quản lý lập trường và điều chỉnh khoảng cách liên nhân. Việc lựa chọn phủ định kép thay vì câu khẳng định trực tiếp cho phép người nói vừa thể hiện thái độ đánh giá, vừa giữ gìn tính lịch sự và khả năng thương lượng trong giao tiếp, phù hợp với đặc trưng văn hóa Nhật Bản đề cao sự hài hòa và biểu đạt gián tiếp.

Như vậy, xét trên bình diện ngữ dụng, phủ định kép trong tiếng Việt và tiếng Nhật có thể được khái quát qua các đặc điểm sau:

(1) Về hình thức: luôn có sự hiện diện của hai yếu tố phủ định, hoặc một yếu tố phủ định kết hợp với một đơn vị từ vựng mang nghĩa phủ định.

(2) Về xu hướng ý nghĩa: mặc dù mang hình thức phủ định, kết quả diễn giải thường thiên về khuynh hướng khẳng định suy ra; tuy nhiên, trong một số ngữ cảnh nhất định, phủ định kép vẫn có thể dẫn đến kết luận phủ định.

(3) Về chức năng ngữ dụng: phủ định kép là một chiến lược “mềm hóa”, cho phép người nói đưa ra khẳng định gián tiếp nhằm giảm thiểu xung đột, bảo vệ thể diện của người nghe và điều chỉnh mức độ cam kết.

(4) Về vai trò tình thái: phủ định kép hoạt động như một hình thức tình thái gắn với mệnh đề, biểu thị thái độ và phán đoán của người nói đối với nội dung được phát biểu.

**2.2. Cấu trúc lập luận phủ định kép trong “Mong manh hoa tuyết” bản gốc tiếng Nhật**

**2.2.1. Phân loại lập luận phủ định kép về phương diện hình thức**

Dựa trên đặc điểm cấu trúc cú pháp và cách thức hình thành quan hệ suy luận giữa các yếu tố phủ định trong cùng một phát ngôn, các trường hợp phủ định kép trong ngữ liệu được chia thành hai nhóm lớn: lập luận phủ định kép mang tính hình thức (chính hình thức) và lập luận phủ định kép mang tính phi hình thức.

Kết quả phân loại ngữ liệu được chúng tôi ghi nhận cụ thể như sau:

| Loại lập luận phủ định kép | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
|----------------------------|----------|-----------|
| Chính hình thức            | 101      | 46,76%    |
| Phi hình thức              | 115      | 53,24%    |
| Tổng cộng                  | 216      | 100%      |

*Bảng 1. Thống kê loại lập luận phủ định kép trong bản gốc tác phẩm “Mong manh hoa tuyết” (quyển thượng)*

Sự phân bố trên cho thấy hai loại phủ định kép cùng xuất hiện với tần suất cao và tương đối cân bằng, song các trường hợp phủ định phi hình thức có xu hướng chiếm ưu thế hơn đôi chút. Điều này phản ánh thực tế phủ định kép trong bản gốc tiếng Nhật không chỉ vận hành như một cơ chế suy luận hình thức nhằm quy chiếu sang giá trị khẳng định, mà còn được khai thác mạnh mẽ như một chiến lược lập luận mang tính diễn ngôn.

**2.2.1.1. Lập luận phủ định kép mang tính hình thức**

Khảo sát kho ngữ liệu trích từ bản gốc tiểu thuyết Mong manh hoa tuyết (quyển thượng), chúng tôi nhận thấy nhóm này chủ yếu được thể hiện qua các khuôn cấu trúc quen thuộc của tiếng Nhật như: ~ないことはない, ~なくはない, ~ないでもない, ... Ở các cấu trúc này, yếu tố phủ định thứ nhất nằm ở cấp độ vị từ, trong khi yếu tố phủ định thứ hai bao trùm toàn bộ mệnh đề đã bị phủ định, từ đó tạo ra một kết luận mang tính khẳng định.

Ví dụ 1: 現在では月給も少いけれども、まだ四十一だから昇給の望みもないことはないし

Tạm dịch: Tuy hiện nay mức lương tháng còn thấp, nhưng vì mới bốn mươi mốt tuổi nên chẳng phải hoàn toàn không còn hi vọng được tăng lương.

Cấu trúc phủ định kép cho phép suy ra rằng việc “tăng lương” là khả dĩ, song sự khẳng định này không được trình bày trực tiếp, nó được hình thành thông qua phép suy diễn từ hình thức phủ định kép. Chính quan hệ hình thức giữa các yếu tố phủ định đã tạo nên giá trị lập luận của phát ngôn, độc lập với bối cảnh giao tiếp cụ thể.

**2.2.1.2. Lập luận phủ định kép mang tính phi hình thức**

Trong nhóm này, phủ định kép thường được hình thành thông qua sự kết hợp của các yếu tố phủ định nằm ở những vị trí cú pháp khác nhau, hoặc thông

qua việc phủ định một hàm ý, tiền giả định hay cách diễn giải có thể phát sinh từ phát ngôn trước.

Ví dụ 2: 財産云うては別にないねん。

Tạm dịch: Nói là tài sản thì cũng chẳng có gì đáng kể.

Mặc dù có sự xuất hiện của nhiều yếu tố mang sắc thái phủ định, cấu trúc này không cho phép suy ra một khẳng định tương ứng theo kiểu “có tài sản”. Thay vào đó, phủ định kép ở đây chủ yếu vận hành ở bình diện lập luận và đánh giá, nhằm điều chỉnh cách hiểu của người nghe đối với khái niệm “tài sản”.

2.2.2. Phân loại lập luận phủ định kép về phương diện ý nghĩa

2.2.2.1. Lập luận phủ định kép để khẳng định

Kết quả thống kê ngữ liệu cho thấy nhóm lập luận phủ định kép để khẳng định trong bản gốc Mong Manh hoa tuyết chiếm 131/216 trường hợp (60,6%). Tỷ lệ này phản ánh việc vận dụng phủ định kép nhằm hướng tới kết luận khẳng định là xu hướng chi phối cách tổ chức lập luận của tác giả. Về cơ chế lập luận, phủ định kép trong nhóm này cho phép người nói xác lập một nhận định, đánh giá hoặc lập trường nhất định mà không cần phát ngôn trực tiếp dưới hình thức câu khẳng định. Cơ chế này vừa đảm bảo nội dung được thiết lập về mặt lập luận, vừa làm giảm mức độ áp đặt và trực diện của phát ngôn, từ đó phù hợp với đặc trưng giao tiếp gián tiếp, dè dặt và mang tính giữ thể diện trong tiếng Nhật.

Xét theo mức độ khẳng định được suy ra từ các cấu trúc phủ định kép, nhóm ngữ liệu lập luận để khẳng định có thể được phân thành ba tiểu loại như sau:

*Bảng 2. Thống kê mức độ lập luận phủ định kép để khẳng định trong bản gốc tác phẩm “Mong manh hoa tuyết” (quyển thượng)*

| Mức độ khẳng định     | Số lượng |
|-----------------------|----------|
| Khẳng định mạnh       | 43       |
| Khẳng định trung bình | 30       |
| Khẳng định yếu        | 58       |
| Tổng cộng             | 131      |

Các trường hợp khẳng định mạnh thường xuất hiện khi cấu trúc phủ định kép cho phép quy chiếu khá rõ ràng sang một mệnh đề khẳng định tương ứng. Dù hình thức bề ngoài vẫn là phủ định kép, nhưng quan hệ cú pháp giữa các yếu tố phủ định khiến kết luận khẳng định được suy ra với mức độ chắc chắn cao, gần với giá trị của một câu khẳng định trực tiếp.

Ví dụ 3:

家柄の点ではそう不釣合でもないのではあるまいか。

Tạm dịch: Xét về gia thế thì cũng không đến nỗi quá không xứng.

Trong câu này, cấu trúc phủ định kép ~ない

ではない cho phép suy ra kết luận rằng gia thế của nhân vật về cơ bản là xứng đáng. Phủ định kép không làm mờ nội dung đánh giá, mà chủ yếu đóng vai trò làm mềm hình thức biểu đạt, khiến nhận định trở nên nhã nhặn và ít mang tính đối đầu. Kết luận khẳng định vẫn được thiết lập tương đối chắc chắn, dù không được phát ngôn dưới dạng hiển ngôn.

Ở mức độ khẳng định trung bình, phủ định kép vẫn dẫn tới một kết luận mang tính khẳng định, song mức độ chắc chắn đã giảm đi. Các phát ngôn thuộc nhóm này thường thừa nhận một khía cạnh, một khả năng hoặc một đánh giá nhất định, nhưng không nhằm xác lập một kết luận dứt khoát hay có giá trị tuyệt đối.

Ví dụ 5: そうかて、それに違いないねんもん。

Tạm dịch: Dù sao, cũng không phải là không đúng như thế.

Ở đây, người nói thừa nhận tính hợp lý của một nhận định đã được nêu ra trước đó, nhưng không khẳng định nó như một chân lý không thể tranh luận. Phủ định kép cho phép nhân vật giữ một khoảng cách nhất định với nội dung khẳng định, đồng thời tránh việc tự đặt mình vào vị thế phát ngôn mang tính quyết đoán cao. Nhờ đó, phát ngôn vừa thể hiện sự đồng thuận, vừa duy trì được tính linh hoạt trong lập luận.

Điểm đáng chú ý là nhóm khẳng định yếu chiếm số lượng lớn nhất (58/131 trường hợp). Kết quả này cho thấy phủ định kép trong Mong manh hoa tuyết chủ yếu không nhằm xác lập những phán đoán dứt khoát, mà được sử dụng để thừa nhận một khả năng, một mức độ hoặc một đánh giá mang tính điều kiện, tạm thời.

Ví dụ 6: 実はこちらへ御相談をしないで悪かったけれども、

Tạm dịch: Thực tế không bàn bạc trước (với Sachiko) thì quả là điều không phải,

P phủ định kép được dùng để bày tỏ sự thừa nhận mang tính dè dặt đối với một hành động hoặc quyết định trong quá khứ. Kết luận khẳng định không được phát biểu rõ ràng, mà chỉ tồn tại như một khả năng được chấp nhận ở mức tối thiểu. Người đọc được dẫn dắt tới nội dung khẳng định thông qua suy diễn, thay vì qua một phát ngôn hiển ngôn.

Việc nhóm khẳng định yếu chiếm ưu thế phản ánh rõ phong cách tự sự và cách xây dựng tâm lý nhân vật của Tanizaki Jun'ichirou. Trong thế giới nghệ thuật của tác phẩm, sự lưỡng lự, do dự và mơ hồ có chủ ý được duy trì xuyên suốt và phủ định kép trở thành một công cụ hữu hiệu để biểu đạt trạng thái tâm lý đó.

2.2.2.2. Lập luận phủ định kép để phủ định

Bên cạnh chức năng dẫn tới kết luận mang tính khẳng định, phủ định kép trong bản gốc tiếng Nhật còn được sử dụng như một phương tiện lập luận nhằm phủ định, bác bỏ hoặc làm suy yếu một

khẳng định tiềm ẩn. Kết quả thống kê ngữ liệu cho thấy nhóm lập luận phủ định kép để phủ định chiếm 85/216 trường hợp, tương ứng với 39,4% tổng số các cấu trúc phủ định kép trong tác phẩm.

Xét theo mức độ phủ định được thể hiện thông qua lập luận phủ định kép, nhóm này có thể được phân chia thành ba tiểu loại:

**Bảng 3. Thống kê mức độ lập luận phủ định kép để phủ định trong bản gốc tác phẩm “Mong manh hoa tuyết” (quyển thượng)**

| Mức độ phủ định       | Số lượng |
|-----------------------|----------|
| Khẳng định mạnh       | 39       |
| Khẳng định trung bình | 22       |
| Khẳng định yếu        | 24       |
| Tổng cộng             | 85       |

Sự phân bố này cho thấy mức độ phủ định trong tiểu thuyết không tập trung vào một cực duy nhất, mà trải rộng từ mạnh đến yếu. Qua đó chúng ta thấy rằng hành vi phủ định trong tác phẩm không chỉ nhằm bác bỏ trực diện, mà còn được triển khai theo nhiều cấp độ khác nhau, biểu thị những sắc thái linh hoạt trong giao tiếp.

Các trường hợp phủ định mạnh thường xuất hiện trong những ngữ cảnh mà nhân vật cần thể hiện sự không đồng thuận tương đối rõ ràng đối với một đánh giá hoặc nhận định được ngầm nêu ra. Ở đây, người nói không bác bỏ thẳng, mà bác bỏ hàm ý/tiền giả định đứng sau cách hiểu của đối phương, qua đó vẫn giữ được tính tiết chế trong lời thoại.

Ví dụ 7: 二人に対して何の悪感情も持ってはいない

Tạm dịch: (Anh ấy) không hề có bất cứ ác cảm nào đối với hai người.

Ở đây, phủ định mạnh không đưa ra phản đề trực diện, mà nhắm vào giả định nền của đối thoại: thay vì phải giải thích dài dòng hoặc phản bác gay gắt, người nói phủ định thẳng vào yếu tố đánh giá “ác cảm”, qua đó chặn đứng hướng suy diễn tiêu cực. Chính cơ chế phủ định vào tầng thái độ và cách hiểu chứ không chỉ sự tình, giúp phát ngôn đạt hiệu quả phản bác rõ rệt, đồng thời vẫn giữ được phong cách tiết chế đặc trưng của diễn ngôn tác phẩm.

Ở mức độ trung bình, phủ định kép không nhằm bác bỏ hoàn toàn nội dung được nhắc đến, mà chủ yếu hạn chế phạm vi áp dụng hoặc làm yếu mức độ xác tín của một khẳng định hoặc đánh giá tiềm ẩn. Những trường hợp này thường xuất hiện trong các đoạn có tính thương lượng hoặc điều chỉnh quan điểm: nhân vật bày tỏ sự không đồng thuận, nhưng vẫn giữ cho phát ngôn ở trạng thái mềm và mở, tránh tạo cảm giác phủ định dứt khoát.

Ví dụ 9: 従ってまだ将来がないと云う年ではない。

Tạm dịch: Vì vậy, cũng chưa đến mức có thể nói là “hết tương lai”.

Trong ví dụ này, người nói không trực tiếp phủ định theo kiểu “còn tương lai”, mà phủ định tính

tuyệt đối của kết luận bị quan “hết tương lai”. Cách nói “không thể nói là...” giữ kết luận ở mức điều chỉnh: phủ định chỉ nhắm vào mức độ cực đoan của đánh giá, đồng thời để ngỏ khả năng rằng tình hình chưa hẳn tốt đẹp. Đây là đặc trưng của phủ định trung bình: bác bỏ mạnh nhất ở tầng “kết luận tuyệt đối”, nhưng không chuyển hẳn sang một khẳng định dứt khoát.

Nhóm phủ định yếu chiếm một tỉ lệ đáng kể trong toàn bộ nhóm lập luận để phủ định (24/85 trường hợp). Điều này cho thấy phủ định kép trong Mong manh hoa tuyết thường không được sử dụng nhằm bác bỏ quyết liệt, mà chủ yếu để tạo khoảng cách giữa người nói và nội dung bị phủ định, qua đó giữ cho phát ngôn ở trạng thái dè dặt, có thể thương lượng.

Ví dụ 11: 別に男振がどうこうと云うのではないが

Tạm dịch: Không phải là (tôi) đang chê bai gì về ngoại hình hay tác phong, nhưng...

Trong ví dụ này, phủ định không nhằm xác lập một đánh giá phủ định mạnh mà ngược lại, nó phủ định trước một hướng diễn giải có thể gây đối đầu “chê ngoại hình/tác phong”. Nhờ cấu trúc “không phải là... nhưng...”, người nói vừa tránh việc bị hiểu là đang phán xét trực diện, vừa mở đường cho phần đánh giá tiếp theo. Đây là dạng phủ định yếu điển hình: trọng tâm nằm ở việc điều chỉnh khung đánh giá và giảm mức cam kết của lập trường.

Như vậy, trong nhóm phủ định yếu, phủ định kép thường hoạt động như một công cụ điều chỉnh lập luận: hoặc phủ định trước một cách hiểu dễ gây va chạm, hoặc thừa nhận hay đính chính ở mức tối thiểu. Nhờ đó, phát ngôn vừa tránh được việc phải khẳng định hoặc phủ định tuyệt đối, vừa duy trì trạng thái mở, điều này phù hợp với phong cách diễn ngôn tiết chế và vòng vo của tác phẩm.

**2.2.2.3. Lập luận phủ định kép để nói vòng**

Một đặc điểm nổi bật trong việc vận dụng phủ định kép trong bản gốc Mong manh hoa tuyết là sự xuất hiện với tần suất cao của các lập luận mang tính nói vòng. Theo kết quả thống kê ngữ liệu, có 113/216 (52,3%) trường hợp phủ định kép được đánh dấu là mang tính vòng vo. Tỉ lệ này cho thấy lập luận vòng vo không phải là hiện tượng cá biệt hay ngẫu phát, mà là một chiến lược diễn ngôn mang tính hệ thống, gắn liền với cách tổ chức phát ngôn và lập luận xuyên suốt toàn bộ tác phẩm.

Trong phạm vi nghiên cứu này, lập luận vòng vo được hiểu là những trường hợp trong đó người nói không trực tiếp trình bày kết luận hoặc lập trường của mình, mà thông qua các cấu trúc phủ định kép, các biểu thức giảm nhẹ, hoặc các thao tác điều chỉnh phát ngôn, để dẫn dắt người nghe hoặc người đọc tự suy ra nội dung cần thiết.

Ví dụ 13: 実はこちらへ御相談をしないで悪かったけれども、

Tạm dịch: Thật ra, không hỏi ý kiến bên này trước thì không phải là điều hay, nhưng...

Trong câu này, phủ định kép không nhằm trực tiếp khẳng định “đã làm sai”, cũng không phủ định hoàn toàn hành động trong quá khứ. Thay vào đó, người nói phủ định gián tiếp tính “đúng” của hành động, đồng thời mở ra một khoảng dừng bằng liên từ “けれども”. Kết luận về đúng sai không được phát ngôn rõ ràng, mà được để lại cho người nghe tự suy diễn. Tính vòng vo thể hiện ở chỗ phủ định kép không dẫn tới một kết luận được xác lập, mà chỉ gợi ý một sự thừa nhận tối thiểu, đồng thời trì hoãn việc kết luận.

Một dạng vòng vo thường gặp khác là phủ định đánh giá tuyệt đối, qua đó làm yếu hoặc điều chỉnh mức độ của một nhận định tiềm ẩn.

Ví dụ 14: 現に家屋敷の一部が郷里に残っていると云うのであるから、家柄の点ではそう不釣合でもないのではあるまいか。

Tạm dịch: Xét việc vẫn còn để lại một phần nhà cửa ở quê, thì về gia thế cũng không hẳn là quá không xứng.

Ở đây, người nói không khẳng định trực tiếp rằng gia thế là “xứng”, mà phủ định mức độ “quá thua kém”. Kết luận được suy ra chỉ mang tính dè dặt, có điều kiện và tồn tại ở mức độ suy diễn. Phủ định kép cho phép người nói né tránh việc xác lập một lập trường dứt khoát, đồng thời để ngỏ khả năng phản biện hoặc điều chỉnh tiếp theo. Tính vòng vo thể hiện ở chỗ phát ngôn dẫn người nghe đi qua nhiều tầng suy luận trước khi chạm tới nội dung chính.

### 3. Kết luận

Qua khảo sát các cấu trúc lập luận phủ định kép trong tiểu thuyết “Mong manh hoa tuyết” của Tanizaki Jun’ichirō, có thể rút ra một số nhận định sau:

*Thứ nhất*, dựa trên đặc điểm cú pháp và cơ chế suy luận, phủ định kép được chia thành hai nhóm: mang tính hình thức và phi hình thức. Sự phân chia này phản ánh hai cơ chế vận hành khác nhau: một bên dựa vào cấu trúc câu, bên kia gắn với suy diễn và chiến lược diễn ngôn.

*Thứ hai*, phủ định kép dùng để khẳng định không

chỉ là hiện tượng cú pháp mà còn là phương thức tổ chức lập luận gắn với tự sự và biểu đạt tâm lý nhân vật. Việc sử dụng phủ định kép thay cho khẳng định trực tiếp giúp vừa xác lập nội dung, vừa mở ra không gian diễn giải cho người đọc.

*Thứ ba*, phủ định kép dùng để phủ định chủ yếu nhằm điều chỉnh hoặc làm suy yếu các khẳng định tiềm ẩn. Sự phân bố tương đối cân bằng giữa các mức độ phủ định cho thấy đây là một chiến lược diễn ngôn linh hoạt, giúp nhân vật thể hiện quan điểm gián tiếp, tránh đối đầu trực diện và duy trì sự hài hòa giao tiếp.

*Cuối cùng*, phủ định kép mang tính vòng vo trong tác phẩm không vận hành như suy luận logic thuần túy mà như một chiến lược diễn ngôn. Thông qua cách diễn đạt gián tiếp, ý nghĩa được hình thành dần trong quá trình đọc, tạo nên giá trị hàm ngôn và thẩm mỹ đặc trưng của văn bản ■

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bùi, M. H. (2008). *Ngôn ngữ học đối chiếu*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
- [2]. Diệp, Q. B. (2005). *Ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
- [3]. Horn, L. R. (2020). *Negation and opposition*. In *The Oxford handbook of negation*. Oxford University Press.
- [4]. Lê, Q. T. (2008). *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Nguyễn, Đ. D. (1996). *Lô gích và tiếng Việt*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- [6]. Nguyễn, Đ. D., Nguyễn, T. N. (2022). *Phủ định ngôn ngữ, phủ định logic và câu bác bỏ*. *Ngôn Ngữ*, 5 (379).
- [7]. Nguyễn, H. (2006). *Các phương pháp và thủ pháp dịch thuật (trên cứ liệu dịch thuật Anh-Việt)*. In *Những vấn đề ngôn ngữ học*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8]. Tanizaki, J. (1946). *Sasameyuki*. *Aozora Bunko*. <https://www.aozora.gr.jp/cards/001383/card56698.html>
- [9]. Tanizaki, J. (2020). *Mong manh hoa tuyết: Quyển thượng (Nam Tử, Trans.)*. Hà Nội, Việt Nam: Nxb. Hội Nhà văn.

## The argumentative structure of double negation in “The Makioka sisters” by Tanizaki Jun’ichirou

Dr. Nguyen Thi Thu Hang - Nguyen Thuy Nguyet Que

Sai Gon University

Email: ntthang@sgu.edu.vn.

**Abstract:** Double negation is regarded as a sophisticated argumentative strategy that modulates expressive nuance and speech acts. In “The Makioka sisters” (Sasameyuki, 1946) by Tanizaki Jun’ichiro, double negation is employed as a discursive device to articulate contradiction, hesitation, and multilayered psychological states. This paper examines the formal patterns of double negation in the original Japanese version of the novel “The Makioka sisters” in order to elucidate its argumentative functions and pragmatic characteristics within the literary text. The findings are expected to contribute to expanding discourseanalytic approaches and to enriching the field of Japanese - Vietnamese contrastive linguistics.

**Keywords:** Double negation, the formal patterns of double negation, The Makioka sisters, Sasameyuki, argument.